

KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2020
SỞ GD&ĐT HÀ NỘI

BẢNG GHI ĐIỂM THI

THPT Lạc Long Quân

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Mã_Tên hội đồng	Điểm số các bài thi										Ghi chú (mọi sửa chữa trong bảng phải được Chủ tịch Hội đồng thi ký xác nhận)
									Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
1	12A	035301002087	LÊ THỊ VÂN ANH	Nữ	06/12/2001	HÀ NAM	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.80	6.75				2.75	6	9	4.20	N1	
2	12A	001202031830	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	13/05/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	7.50				6	6.25	8.75	3.40	N1	
3	12A	001202034584	TRẦN VĂN CÔNG	Nam	06/02/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.20	5.50				3.25	6.50	7.25	2.40	N1	
4	12A	001202024890	LÊ QUANG TỬ	Nam	06/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.80	5				4	5.75	7.50	3	N1	
5	12A	001202032091	HOÀNG QUANG TUẤN	Nam	29/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	6.50				4	5.50	8	4	N1	
6	12A	001202032092	NGÔ VĂN TUẤN	Nam	08/11/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	7.50				5	6.50	8.25	4.20	N1	
7	12A	001302031648	NGUYỄN NGỌC DIỆP	Nữ	18/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	7				5	5.25	6.25	6	N1	
8	12A	001202026507	ĐẶNG ANH DŨNG	Nam	13/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.60	5.25				3.50	6	6.25	2.80	N1	
9	12A	001202032164	NGUYỄN KHUÔNG DUY	Nam	16/02/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	6				4.50	6	6.75	3.80	N1	
10	12A	001202021535	SẠI HỮU ĐO	Nam	10/02/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.80	6.50				5.75	7.75	8	5	N1	
11	12A	001202031142	NGUYỄN VIỆT TUẤN	Nam	17/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.20	6				4.25	6	7	5	N1	
12	12A	001302021121	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	20/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6	7.75				4	6.50	8.25	3.60	N1	
13	12A	001302031554	TRẦN THU HÀ	Nữ	31/07/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.80	7.50				4.75	6.50	8	3.20	N1	
14	12A	001302027153	NGUYỄN THỊ HAO	Nữ	09/02/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6	7.25				5.25	6.25	8.25	4.20	N1	
15	12A	001202031829	NGUYỄN VĂN HAO	Nam	30/09/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.40	5.75				4.25	8	7.50	2.40	N1	
16	12A	001301037524	NGUYỄN THỊ TUYẾT	Nữ	29/12/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6	5.75				3.50	7.25	5.50	2.80	N1	
17	12A	001202032085	NGUYỄN DUY HIẾU	Nam	09/05/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.20	5.75				4.75	7	8.25	3.20	N1	
18	12A	001202031954	TRẦN VĂN HIẾU	Nam	08/10/2002	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	5.50				3	4.25	7.75	5	N1	
19	12A	033302006070	HOÀNG THỊ HOAN	Nữ	13/02/2002	HUNG YÊN	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	8.25				4.75	6.75	8.25	3	N1	
20	12A	001202031953	NGUYỄN QUANG HOÀN	Nam	03/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.60	7.25				6.75	7.25	8.75	3.80	N1	
21	12A	001301031967	NGUYỄN HƯƠNG QUỲNH	Nữ	07/01/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	6.50				6	7.25	8	5	N1	
22	12A	001202031994	LÊ VĂN SINH	Nam	25/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	8.20	6.50				5.50	7.50	8.50	3	N1	
23	12A	001301030905	CHU THỊ YẾN	Nữ	20/04/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5	7.75				5.50	7	8.50	4.20	N1	
24	12A	001302031552	NGÔ HOÀNG YẾN	Nữ	14/01/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.80	7				4.25	5	6.50	2.60	N1	
25	12A	001202018067	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	17/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	4.25				4	7.50	8.50	3.40	N1	
26	12A	066202000147	QUÁCH NGỌC HUY	Nam	07/11/2002	ĐẮK LẮK	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.80	7.75				5	6.25	7.25	3.40	N1	
27	12A	001202027936	TRẦN VĂN HUY	Nam	14/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	6.75				5.50	7.25	7.25	4.20	N1	
28	12A	034302009940	KHÔNG THỊ THU HUYỀN	Nữ	09/07/2002	THÁI BÌNH	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.80	8				4.75	7	7.75	5.40	N1	
29	12A	001302008032	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	21/02/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.80	6.25				5.75	5.50	7.50	2.60	N1	
30	12A	001302031551	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	10/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.80	7.25				5.50	6.50	9	4.60	N1	
31	12A	001202031929	HOÀNG TUẤN SƠN	Nam	07/11/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.60	7				4.75	7	7.75	4.80	N1	
32	12A	001302026668	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	Nữ	22/04/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.40	8				5.50	6.50	7.50	3.60	N1	
33	12A	001202031956	VƯƠNG CHIẾN THẮNG	Nam	02/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.40	6				4.25	6.25	7.50	4.40	N1	
34	12A	001301030903	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	04/11/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.80	7.25				4.75	6.50	7	3	N1	
35	12A	001202025169	LÊ VĂN TIẾN	Nam	05/11/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.40	4.50				4	8.50	9.50	3.60	N1	
36	12A	001202031194	CHU THỂ LỘC	Nam	19/09/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.20	5.75				4	7	8	4	N1	
37	12A	001202032265	ĐẶNG ĐỨC LƯƠNG	Nam	20/08/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.40	5.75				4.75	7	7.25	4	N1	
38	12A	001302031640	ĐÀM THỊ MAI	Nữ	25/07/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7	7.50				5.50	6	8.25	3.40	N1	
39	12A	001202031315	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	Nam	16/05/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.80	7.75				4.75	7.75	8.25	4	N1	
40	12A	001302031649	NGHIÊM THỊ HƯƠNG TRANG	Nữ	06/09/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.80	6.50				5.25	5.25	8	5.80	N1	
41	12A	001302031450	NGUYỄN THỊ THU TRANG	Nữ	16/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.40	8				6	7.25	9	4.60	N1	
42	12A	001302031553	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	Nữ	17/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7	7.50				3.50	6.75	7.75	4	N1	
43	12A	001302031690	NGUYỄN THỊ THU NGỌC	Nữ	07/02/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.20	7.50				5	6.75	9.50	5	N1	
44	12A	001202023942	NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG	Nam	01/09/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.60	7.25				4	6.25	6.75	3.20	N1	
45	12B	001202027518	NGUYỄN NGỌC ANH	Nam	07/05/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	7.25				5	7.25	7.25	4.20	N1	
46	12B	001302031225	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	02/11/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.40	8.25				5.75	7.75	9.25	3.80	N1	
47	12B	001201030788	NGUYỄN VĂN BÌNH	Nam	12/07/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.80	7.75				5.25	6.75	10	4	N1	
48	12B	001202031778	TRẦN VĂN CHI	Nam	14/08/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.60	4.75				4	7.25	7.50	2	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Mã_Tên hội đồng	Điểm số các bài thi										Ghi chú (mọi sửa chữa trong bảng phải được Chủ tịch Hội đồng thi ký xác nhận)
									Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
49	12B	001302031289	LÊ THỊ HỒNG CHUYỀN	Nữ	26/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.40	6.25				5.75	7.75	9.25	3.80	N1	
50	12B	001202027913	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	Nam	29/09/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.20	5.50				5.50	7.50	8	4.60	N1	
51	12B	001302026322	NGUYỄN THỊ DUYỀN	Nữ	30/07/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.60	5.25				4.25	6	7.25	3	N1	
52	12B	001202032235	TRẦN THÀNH ĐẠT	Nam	31/07/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.80	7				4.25	7.50	8.50	3.20	N1	
53	12B	001202027591	TRẦN XUÂN ĐẠT	Nam	16/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.60	6				4.75	6.75	7.25	2.20	N1	
54	12B	001302031434	CHU THỊ THU GIANG	Nữ	10/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.40	6.75				3.75	6	7.75	4.80	N1	
55	12B	001302031222	ĐƯƠNG THỊ THU HÀ	Nữ	09/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.20	8				5.25	7.75	9.50	4	N1	
56	12B	001202032802	TẠ ĐỨC HẢI	Nam	31/07/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.20	4.50				4.50	5.50	6.50	2.80	N1	
57	12B	001202019306	NGUYỄN VĂN HẠO	Nam	06/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5	5.50				5	8.25	7.25	4.60	N1	
58	12B	001202030215	NGUYỄN THANH TÙNG	Nam	14/04/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	6				5.25	6.25	6.75	3.40	N1	
59	12B	001302031431	NGUYỄN THÚY HẰNG	Nữ	10/04/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	6.50				4.75	7.25	8.75	2.80	N1	
60	12B	001202031955	TRẦN ĐỨC HIỆP	Nam	21/01/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.40	7.50				3	6.50	8.25	4.40	N1	
61	12B	001202031995	VƯƠNG VIỆT HOÀNG	Nam	21/04/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.20	7.25				7.50	8.75	8.50	3	N1	
62	12B	001202021309	HOÀNG VĂN SINH	Nam	09/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	2.80	6				3.50	6.25	8	2.80	N1	
63	12B	001202031997	NGUYỄN VĂN YẾN	Nam	18/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.80	7.25				5.25	6	7	3.60	N1	
64	12B	001202032197	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	Nam	29/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.60	5.25				4.75	5.50	8	3.20	N1	
65	12B	001202031810	NGUYỄN QUỐC HÙNG	Nam	29/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.40	7.50				5	7	8	4.20	N1	
66	12B	001302030741	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	13/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7	6.50				3	6.25	8.50	4.40	N1	
67	12B	001302031730	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	28/09/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	5.25				3.75	6.75	8.25	3.80	N1	
68	12B	001301037516	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	04/02/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.20	7				4	4.75	5.25	3.20	N1	
69	12B	001202031552	ĐỖ VĂN SƠN	Nam	11/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.60	6.25				6.25	7	8.75	5	N1	
70	12B	001202032166	NGUYỄN NGỌC SƠN	Nam	04/08/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	6.50				4.50	7.25	8.25	4.20	N1	
71	12B	001202032181	NGUYỄN ĐÌNH THÁI	Nam	15/04/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.60	5.50				4.75	7	8.25	4.80	N1	
72	12B	001302031432	NGHIÊM THỊ THANH	Nữ	26/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5	6.50				4.50	6.50	8.50	4	N1	
73	12B	001302031476	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN	Nữ	23/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.80	7.25				4.25	6	6.50	4	N1	
74	12B	001302031224	VƯƠNG THỊ NGỌC LAN	Nữ	21/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.80	7.50				7	7.50	8.75	5.80	N1	
75	12B	001302031223	NGUYỄN THỊ XUÂN THẢO	Nữ	11/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.60	7.25				6.25	7.75	8.75	3.60	N1	
76	12B	001302031508	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	03/05/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.80	7.25				5.25	7	8.25	3.20	N1	
77	12B	001302031356	TRƯƠNG THỊ THÚY	Nữ	17/07/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.20	6.50				5	6.25	7.50	3.40	N1	
78	12B	001202031818	HOÀNG VĂN LONG	Nam	19/11/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.20	5.25				3	7.50	7.25	2.80	N1	
79	12B	001201038807	NGUYỄN TIẾN LONG	Nam	09/12/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.80	6.25				3	6	7.50	2.40	N1	
80	12B	001202031996	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	Nam	16/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5	5				4.75	7	8.75	2.40	N1	
81	12B	001202031610	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	08/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.40	7				3.75	6.25	8.25	3.60	N1	
82	12B	001302031477	ĐỖ THỊ QUỲNH TRANG	Nữ	01/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	5.75				5.75	5.75	7.75	5.60	N1	
83	12B	001202031798	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	Nam	31/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5	5.25				3	7.50	9.25	3.80	N1	
84	12B	001202031992	ĐOÀN MINH NHÂM	Nam	23/02/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	5.75				5.25	8.25	8.75	4.40	N1	
85	12B	001201038808	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Nam	25/06/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.40	7.50				2.75	4.75	7.75	2.20	N1	
86	12B	001202031998	NGUYỄN DUY TRƯỜNG	Nam	25/08/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	7.50				4.25	6	7.25	2.60	N1	
87	12C	001302031817	NGUYỄN THỊ AN	Nữ	05/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.40	6				2.25	6.25	8	2.80	N1	
88	12C	001302030743	NGUYỄN HUYỀN ANH	Nữ	12/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3	6.50				2.25	5.75	6.75	3.20	N1	
89	12C	001202036789	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	29/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.20	6				3.75	6.25	7.50	2.20	N1	
90	12C	001201034345	NGUYỄN VĂN CÔNG	Nam	23/06/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.80	4.25				3.75	6.50	6.25	2.60	N1	
91	12C	MI0100416144	PHẠM MẠNH TUẤN	Nam	22/09/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.60	5				2.50	5.50	7.25	2.60	N1	
92	12C	001202040362	TẠ QUANG ĐOÀN	Nam	04/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.20	3.50				2.75	6	7	2.40	N1	
93	12C	001202040082	NGUYỄN VĂN DŨNG	Nam	03/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.20	5.50				4.50	6.75	7	2.40	N1	
94	12C	001201026753	LÊ THANH DUY	Nam	17/11/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	2.20	4.75				4.25	7.25	7.25	2	N1	
95	12C	001302026270	BÙI THỊ HẠNH	Nữ	12/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.80	8.25				6	8.50	8.75	5	N1	
96	12C	001202039939	NGÔ HOÀNG HIỆP	Nam	29/04/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.80	6.25				5	8.50	8	3	N1	
97	12C	001302031958	NGUYỄN MAI HOA	Nữ	16/01/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	6				3.50	5	6.75	3.60	N1	
98	12C	001302031556	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	28/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.60	5				4	7.25	8.50	4.80	N1	
99	12C	001202040379	ĐINH VĂN HOÀN	Nam	31/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3	3.50				2.75	3.75	6.75	2.20	N1	
100	12C	001302027822	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	Nữ	21/09/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.60	7.50				4.50	7	8	4	N1	
101	12C	001302031493	NGUYỄN THỊ HỒNG VĂN	Nữ	26/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5	6.75				2.50	3.75	6.25	2.40	N1	
102	12C	001300033668	ĐÀM THỊ HẢI YẾN	Nữ	30/04/2000	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.80	6.50				5.75	6.25	7.75	4.60	N1	
103	12C	001202032801	NGUYỄN NGỌC HUẤN	Nam	16/01/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.80	6				3.50	7	8	2.20	N1	
104	12C	001202031820	NGUYỄN DUY HÙNG	Nam	05/02/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.80	6.75				4.50	7.25	8.75	3.60	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Mã_Tên hội đồng	Điểm số các bài thi										Ghi chú (mọi sửa chữa trong bảng phải được Chủ tịch Hội đồng thi ký xác nhận)
									Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
105	12C	MI0100416003	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	Nữ	23/05/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5	7.25				4.50	5	7.75	3.20	N1	
106	12C	001302031700	NGUYỄN THU HƯƠNG	Nữ	04/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5	5.75				3.25	6	8	3.60	N1	
107	12C	001202034597	TẠ VĂN SÔNG	Nam	07/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.20	5				2.50	5	6	3.60	N1	
108	12C	001302036185	ĐÀO THANH THẢO	Nữ	27/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.80	5.50				3	4.75	7.50	2.80	N1	
109	12C	001302036173	NGUYỄN THỊ THẢO	Nữ	04/09/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	6				3	6.50	8	2.60	N1	
110	12C	001302027151	NGUYỄN THỊ THÚY	Nữ	01/01/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.20	7				4.50	6	9	3.40	N1	
111	12C	001202020989	ĐÌNH HÙNG MẠNH	Nam	22/05/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.20	7				3.50	5.75	6.50	2.40	N1	
112	12C	001202027802	ĐƯƠNG QUÝ MÈN	Nam	03/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.20	6.50				5.25	7.25	8.50	3.60	N1	
113	12C	001202039007	NGUYỄN KHÁNH MINH	Nam	10/01/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.60	5				2.25	6.25	7.50	2.20	N1	
114	12C	001202035043	NGUYỄN QUANG MINH	Nam	20/04/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3	4				3.50	5.75	5.75	2.20	N1	
115	12C	MI0100416078	PHÙNG VĂN MINH	Nam	21/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	2.80	4				2	5.25	5.75	3	N1	
116	12C	001202040261	BUI HOÀNG NAM	Nam	10/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	5.50				6.25	7	8	2.20	N1	
117	12C	001202032996	NGUYỄN TIẾN NAM	Nam	28/04/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.20	5.25				2.25	6.25	6	2.60	N1	
118	12C	001302031731	LƯƠNG THỊ KIM NGÂN	Nữ	19/01/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	7.50				3	6.25	7.25	2.60	N1	
119	12C	001302031557	NGUYỄN THỊ NGÂN	Nữ	02/12/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.60	6.50				4.50	5	6.50	1.60	N1	
120	12C	001302031569	NGUYỄN THỊ HỒNG NGỌC	Nữ	22/08/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.20	6.50				4.25	5.75	7.25	3.60	N1	
121	12C	001302031592	BUI THỊ KIM NHUNG	Nữ	10/05/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6	8.25				2.75	6.25	7.75	2.60	N1	
122	12C	001302025325	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	Nữ	19/09/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4	7				4.25	4.75	6.50	3.20	N1	
123	12C	001302031495	TẠ THỊ OANH	Nữ	11/02/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.40	7				2.75	4.50	6.50	2.60	N1	
124	12C	001302033899	NGUYỄN THU PHƯƠNG	Nữ	20/11/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.20	6.25				3.75	5.50	6.75	3.40	N1	
125	12C	001302036379	NGUYỄN THỊ TRANG	Nữ	29/05/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.20	6.50				4.25	5.50	6.25	3.80	N1	
126	12D	001202018771	ĐÌNH TUẤN ANH	Nam	28/01/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.20	4.75				4.50	7.50	8.25	3.20	N1	
127	12D	001202031176	NGUYỄN PHÚC ANH	Nam	15/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.20	7.25				4.75	7.25	7.50	2.40	N1	
128	12D	001202031907	NGUYỄN THỂ ANH	Nam	14/07/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	6.50				4	6.75	8.25	3.20	N1	
129	12D	001202032221	LÊ VĂN BÌNH	Nam	27/01/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.60	6				3.50	5.50	7.25	4	N1	
130	12D	001202025078	NGUYỄN QUANG BÌNH	Nam	21/08/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.40	5				3.25	6.25	5.25	3.40	N1	
131	12D	001202026646	TRẦN NGỌC CẢNH	Nam	27/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6	6.75				2	7	8.50	4	N1	
132	12D	001202032302	ĐÀO MẠNH TUẤN	Nam	01/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4	3.75				4.25	4.25	5	3.20	N1	
133	12D	001202031611	TẠ VĂN CƯỜNG	Nam	10/08/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.20	6.50				5.50	6.25	6.25	2.80	N1	
134	12D	001202026586	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	Nam	18/11/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.20	6.50				5.25	6.75	7.75	4.80	N1	
135	12D	001202031812	LA VĂN DUY	Nam	04/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.40	7				3.50	5.25	8.50	3.20	N1	
136	12D	001202021411	NGUYỄN ĐỨC DUY	Nam	13/08/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.80	4.75				5.25	6.50	6.25	3.20	N1	
137	12D	037302005681	NGUYỄN THỊ MỸ DUYỀN	Nữ	14/11/2002	NINH BÌNH	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.60	6.50				4.25	6	8.25	3.80	N1	
138	12D	001201038777	LÊ MINH ĐỨC	Nam	26/12/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.40	7				6.75	7.75	9	5	N1	
139	12D	001202025502	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	Nam	12/08/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.80	7.75				6	7.75	8.75	5	N1	
140	12D	001202034688	BUI KHÁNH TÙNG	Nam	16/11/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4	6.50				3	6.75	7.25	4	N1	
141	12D	001202021400	NGUYỄN THANH HẢI	Nam	25/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	4.75				3.25	6.25	6	2.60	N1	
142	12D	001202031814	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	Nam	13/01/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	6				4.25	7.50	8.25	3.60	N1	
143	12D	001202032279	NGUYỄN VĂN HẢO	Nam	02/11/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	6.50				3.50	6.50	7.25	1.80	N1	
144	12D	001202031761	ĐƯƠNG VĂN TUYỀN	Nam	20/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5	6				4.50	8	6.75	2.40	N1	
145	12D	001202032219	PHẠM TRUNG HIẾU	Nam	15/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5	4.75				3.25	4.75	7.25	2.20	N1	
146	12D	001201033138	ĐÌNH VĂN HỢP	Nam	17/04/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4	7				5.75	7.75	9.25	3.60	N1	
147	12D	001201038866	NGUYỄN NGỌC HUY	Nam	09/08/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.60	5.75				3.50	5.25	4.25	2	N1	
148	12D	001202033015	NGUYỄN HỒNG SƠN	Nam	06/08/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.60	6.50				6.75	7.25	8.50	3.20	N1	
149	12D	001202032099	NGUYỄN TRẦN NGỌC SƠN	Nam	19/06/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	5				3.50	4.75	5.50	2.80	N1	
150	12D	001302031291	ĐƯƠNG NGỌC THANH	Nữ	25/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.60	6				3.75	6.50	7.25	4	N1	
151	12D	001201038707	NGUYỄN CHÍ THANH	Nam	17/05/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.80	6				4.75	8.25	8.50	4.40	N1	
152	12D	001302026475	NGUYỄN THÚY KIỀU	Nữ	29/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.60	6.75				2.75	6.75	7.75	2.60	N1	
153	12D	001201038852	TRẦN VĂN LÂM	Nam	25/08/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3.60	5.75				4.25	7.75	9	3.20	N1	
154	12D	001301030759	LÊ THỊ LIÊN	Nữ	26/12/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	4.80	6.75				3	5	5.75	3.60	N1	
155	12D	001202031760	VƯƠNG VĂN THẮNG	Nam	08/11/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.80	6.75				6	6.75	8.25	4.20	N1	
156	12D	001302025320	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	Nữ	24/10/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7	6.50				3.50	6	8	3.40	N1	
157	12D	001202026564	NGUYỄN HẢI MINH	Nam	28/04/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6.80	7				4.25	7	9	3.80	N1	
158	12D	001202040574	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	06/03/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	5.40	7				5.50	7.50	7.50	1.80	N1	
159	12D	001202031811	NGUYỄN VĂN NGHĨA	Nam	03/08/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội										N1	
160	12D	001202031323	TRẦN VĂN NHÂN	Nam	08/02/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.20	7				5	8	8.75	4.20	N1	

Số thứ tự	Lớp 12	Số CMND	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Mã_Tên hội đồng	Điểm số các bài thi										Ghi chú (mọi sửa chữa trong bảng phải được Chủ tịch Hội đồng thi ký xác nhận)
									Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Địa lý	GD CD	Ngoại ngữ	Môn NN	
161	12D	001202031481	NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG	Nam	04/05/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	7.60	7.50				6.50	7.50	7.75	4.60	N1	
162	12D	001302030805	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	Nữ	03/05/2002	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	3	7				4.25	5.25	7.75	3.60	N1	
163	12D	001201038912	LÊ VĂN TRIỆU	Nam	23/05/2001	HÀ NỘI	Kinh	01-Hội đồng thi Sở GD&ĐT Hà Nội	6	6.75				8.25	8.50	8.50	4.80	N1	

NGƯỜI GHÉP ĐIỂM
(Họ tên và chữ ký)

NGƯỜI ĐỌC VÀ SOÁT BẢN IN
(Họ tên và chữ ký)

Ngày tháng năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI